

Số: **3943** /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **06** tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty TNHH In Hoa Lê Xi Việt Nam, Công ty TNHH Wooden Stories, Công ty TNHH Nakagawa Denka Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Dịch vụ vận tải Hoàng Lâm, Công ty TNHH MTV Kỹ thuật và Thương mại Phụng Luật do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Nhơn Trạch

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND huyện Nhơn Trạch tại Tờ trình số 584/TTr-UBND, Tờ trình số 585/TTr-UBND, Tờ trình số 598/TTr-UBND ngày, Tờ trình số 599/TTr-UBND và Tờ trình số 600/TTr-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 943/TTr-LĐTBXH ngày 06 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty TNHH In Hoa Lê Xi Việt Nam, Công ty TNHH Wooden Stories, Công ty TNHH Nakagawa Denka Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Dịch vụ vận

tải Hoàng Lâm, Công ty TNHH MTV Kỹ thuật và Thương mại Phụng Luật do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Nhơn Trạch, như sau:

1. Công ty TNHH In Hoa Lê Xi Việt Nam, gồm 26 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 26.000.000 đồng, trong đó có 01 người lao động đang mang thai với kinh phí hỗ trợ là 1.000.000 đồng và 09 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (09 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 9.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng chẵn).

2. Công ty TNHH Wooden Stories, gồm 100 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 100.000.000 đồng, trong đó có 03 người lao động đang mang thai với kinh phí hỗ trợ là 3.000.000 đồng và 15 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (18 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 18.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 121.000.000 đồng (một trăm hai mươi một triệu đồng chẵn).

3. Công ty TNHH Nakagawa Denka Đồng Nai, gồm 26 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 26.000.000 đồng, trong đó có 05 người lao động đang mang thai với kinh phí hỗ trợ là 5.000.000 đồng và 06 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (07 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 7.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng chẵn).

4. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Vận tải Hoàng Lâm, gồm 01 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 1.000.000 đồng (một triệu đồng chẵn).

5. Công ty TNHH MTV Kỹ thuật và Thương mại Phụng Luật, gồm 13 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 13.000.000 đồng, trong đó có 05 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (06 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 6.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.



Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Nhơn Trạch chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùg.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nhơn Trạch và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng





ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC
DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH IN HOA LÊ XI VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 3443 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số số bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
I. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC								
1	Hồ Thị Tiên	In vải	Không xác định thời hạn	7513199620	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	381471353
2	Đào Thị Mỹ Hạnh	In vải	Không xác định thời hạn	9113006051	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	371114748
3	Nguyễn Thị Minh	In vải	Không xác định thời hạn	3823543324	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	038183001484
4	Nguyễn Văn Tâm	In vải	Không xác định thời hạn	7516027037	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	272703947
5	Nguyễn Hồng Gái	Kiểm vải	Không xác định thời hạn	7510009185	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	276038744
6	Nguyễn Thị Anh	In vải	Không xác định thời hạn	4016186549	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	187962204
7	Cao Thái Cường	Kho	Không xác định thời hạn	7508134976	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	271932233
8	Bùi Văn Thuận	In vải	Xác định thời hạn 01 năm	3820583094	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	174928976
9	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Tổng đài	Xác định thời hạn 01 năm	7526528999	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	122261534

10	Trần Thị Mỹ Hạnh	In vải	Xác định thời hạn 01 năm	7915137413	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	221430307
11	Hà Thị Thanh Bình	In vải	Xác định thời hạn 01 năm	3814020827	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	038192001779
12	Hồ Thị Nhiệm	In vải	Xác định thời hạn 01 năm	7513077247	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	381462908
13	Nguyễn Văn Đêm	In giấy	Xác định thời hạn 01 năm	7516137317	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	381796724
14	Vũ Thị Thương	Sinh quần	Xác định thời hạn 01 năm	7514034260	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	272774746
15	Ngô Văn Thuận	In giấy	Xác định thời hạn 01 năm	9321542401	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	364171472
16	Ngô Văn Thà	In vải	Xác định thời hạn 01 năm	9321585325	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	364195603
17	Lại Tiểu Long	In vải	Xác định thời hạn 01 năm	7514194602	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	381698333
18	Lương Thị Lệ	Kiểm vải	Xác định thời hạn 01 năm	2716017035	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	183912727
19	Nguyễn Trần Thị Nhân	Sinh quần	Xác định thời hạn 01 năm	7526624732	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	272540985
20	Lê Thị Hường	In vải	Xác định thời hạn 01 năm	7510086578	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	183443446
21	Trần Văn Thanh	In vải	Xác định thời hạn 01 năm	7516130369	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	221383479
22	Huỳnh Tấn Cường	Kho	Xác định thời hạn 01 năm	7513192843	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	331801348
23	Văn Trọng Nguyễn	In giấy	Xác định thời hạn 01 năm	9521448127	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	385828908
24	Phạm Bích Thùy	In vải	Xác định thời hạn 01 năm	9622941216	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	381911560
25	Phạm Văn Tiền	Nv khai thác	Xác định thời hạn 01 năm	7516135608	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	372076998



26	Lâm Văn Thiện	In vải	Xác định thời hạn 01 năm	7516131099	01/08/2021	30/10/2021	1.000.000	381905905
Cộng: 26 người								
								26.000.000

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC VÀ ĐANG MANG THAI

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục I	Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân
1	Nguyễn Thị Anh	6	1.000.000	187962204
Cộng: 01 người			1.000.000	

III. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC VÀ ĐANG NUÔI CON NHỎ DƯỚI 6 TUỔI

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục I	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng (ở cột 2)	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	
1	Nguyễn Hồng Gái	5	Nguyễn Ngọc Anh Thư	21/12/2017	Nguyễn Văn Nam	276038745	1.000.000
2	Cao Thái Cường	7	Cao Đăng Phong	11/11/2019	Nguyễn Quỳnh Giao	272408338	1.000.000
3	Bùi Văn Thuận	8	Bùi Hải Đăng	25/01/2019	Hà Thị Lam	38300005084	1.000.000
4	Trần Thị Mỹ Hạnh	10	Phạm Gia Phúc	08/06/2018	Phạm Thành Danh	221430277	1.000.000
5	Hà Thị Thanh B ình	11	Nguyễn Đăng Khoa	20/04/2019	Nguyễn Văn Niên	172767960	1.000.000
6	Vũ Thị Thương	14	Phạm Vũ Thiên Ân	30/07/2018	Phạm Ngọc Sang	273628416	1.000.000

7	Lại Tiểu Long	17	Lại Trọng Trước	17/08/2015	Nguyễn Ngọc Quý	381802888	1.000.000
8	Lương Thị Lệ	18	Lê Ngọc Hạo Nam	08/06/2018	Lê Ngọc Hùng	183966734	1.000.000
9	Phạm Văn Tiến	25	Phạm Trần Ngọc Hân	25/05/2019	Dương Thị Hồng	371810387	1.000.000
Cộng: 09 trẻ em							
Tổng cộng: (I) + (II) + (III)							
							9.000.000
							36.000.000

Tổng số tiền hỗ trợ: 36.000.000 đồng
(Bằng chữ: Ba mươi sáu triệu đồng)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC
DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH WOODEN STORIES**

(Kèm theo Quyết định số 3448 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
I. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC								
1	Nguyễn Thanh Dân	BP Phôi	Xác định thời hạn	8016046207	22/07/2021	30/09/2021	1.000.000	365312459
2	Đình Huyền	BP Phôi	Xác định thời hạn	4420162662	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	044084003069
3	Nguyễn Văn Sanh	BP Phôi	Xác định thời hạn	9521307978	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	385263658
4	Lâm Thị Loan	BP Phôi	Xác định thời hạn	9422258862	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	365492411
5	Nguyễn Văn Cường	BP Phôi	Không xác định thời hạn	0203188710	15/07/2021	30/09/2021	1.000.000	168041174
6	Bùi Thị Hồng Gấm	BP Phôi	Xác định thời hạn	7511167147	14/07/2021	30/09/2021	1.000.000	331356466
7	Nguyễn Văn Việt	BP Phôi	Xác định thời hạn	7513191047	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	365862935
8	Hoàng Thị Tương	BP Phôi	Xác định thời hạn	2714075524	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	060892456
9	Nông Ngọc Giáo	BP Phôi	Xác định thời hạn	1520238606	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	060791447
10	Bùi Thị Nhung	BP Phôi	Xác định thời hạn	7516137795	01/09/2021	30/09/2021	1.000.000	365867976
11	Trần Văn Chính	BP Khung	Xác định thời hạn	7511038119	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	060696389

12	Phan Long Lới	BP Khung	Không xác định thời hạn	7515067607	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	363987522
13	Đinh Thị Thúy	BP Khung	Xác định thời hạn	9422072096	12/07/2021	30/09/2021	1.000.000	366057720
14	Đinh Thị Bé Lớn	BP Khung	Xác định thời hạn	9623082315	12/07/2021	30/09/2021	1.000.000	381905052
15	Lý Minh Khương	BP Khung	Xác định thời hạn	9521575141	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	385884259
16	Trần Thị Tư	BP Khung	Xác định thời hạn	9521550467	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	385227543
17	Hoàng Văn Khuyển	BP Khung	Xác định thời hạn	7515105940	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	060625819
18	Huỳnh Thanh Tuyền	BP Khung	Xác định thời hạn	8421984919	14/07/2021	30/09/2021	1.000.000	301884857
19	Nguyễn Thị Bé Ba	BP Khung	Xác định thời hạn	7514198888	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	352263277
20	Danh Hoàng Sơn	BP Khung	Xác định thời hạn	9321486159	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	363648452
21	Nguyễn Phước Vĩnh	BP Khung	Xác định thời hạn	8421517493	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	334581605
22	Trần Thị Lanh	BP Khung	Xác định thời hạn	8422240942	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	334283327
23	Trần Thanh Bình	BP Khung	Xác định thời hạn	8421943984	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	334835923
24	Trần Thị Mát	BP Khung	Xác định thời hạn	9421963995	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	365879622
25	Trần Thị Thanh	BP Khung	Xác định thời hạn	8414008551	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	334544267
26	Trương Kim Lợi	BP Khung	Xác định thời hạn	9521500735	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	385219718
27	Nông Thị Niệm	BP Khung	Xác định thời hạn	6423415530	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	231249526
28	Mai Dương Linh	BP Khung	Xác định thời hạn	7516155121	01/09/2021	30/09/2021	1.000.000	365860490
29	Nguyễn Văn Hoàng	BP Khung	Xác định thời hạn	6422237700	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	231035394



30	Nguyễn Văn Lương	BP Khung	Xác định thời hạn	7410188361	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	371427616
31	Thạch Thị Dòne	BP Khung	Xác định thời hạn	8421923874	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	334502627
32	Lê Thị Thúy Em	BP Khung	Xác định thời hạn	8724143802	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	341323420
33	Đoàn Thị Hoàng Lan	BP Khung	Xác định thời hạn	7938783031	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	07917600183
34	Danh Thị Châu	BP Khung	Xác định thời hạn	8421980536	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	334360771
35	Phù Lâm Lợi	BP Khung	Xác định thời hạn	9623020209	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	381215757
36	Phạm Trường An	Lắp ráp	Xác định thời hạn	7414020965	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	381670616
37	Phạm Thương Tính	Lắp ráp	Xác định thời hạn	7414017953	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	381815235
38	Lê Minh Vương	Lắp ráp	Xác định thời hạn	9421914748	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	365711542
39	Đặng Văn Nhân	Lắp ráp	Xác định thời hạn	9522168816	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	385255474
40	Lê Hoàng Thái	Lắp ráp	Xác định thời hạn	9521534090	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	385728226
41	Đào Văn Xài	Lắp ráp	Xác định thời hạn	9522160096	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	385230308
42	Trần Đức Minh	Lắp ráp	Xác định thời hạn	7410181551	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	385299017
43	Triệu Thị Tâm	Chà nhám	Không xác định thời hạn	1520231673	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	061075269
44	Triệu Thị Mai	Chà nhám	Xác định thời hạn	7516102367	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	060657253
45	Trần Bé Chi	Chà nhám	Không xác định thời hạn	9622981845	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	381794963
46	Thiều Tuyết Nhung	Chà nhám	Không xác định thời hạn	9521304846	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	385404857
47	Lê Thị Yên	Chà nhám	Không xác định thời hạn	9522163030	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	385414603

48	Nguyễn Văn Phú	Chả nhám	Xác định thời hạn	7515143836	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	187522648
49	Nguyễn Văn Linh	BP Sơn	Xác định thời hạn	9422822089	05/08/2021	30/09/2021	1.000.000	365875540
50	Cao Hoài Cường	Bọc dây đai	Xác định thời hạn	7512158136	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	351993552
51	Nguyễn Văn Nhí	Bọc dây đai	Xác định thời hạn	9521535189	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	385608398
52	Phạm Văn Thanh	Bọc dây đai	Xác định thời hạn	7913164780	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	271245978
53	Trần Quốc Ninh	Dán Foam	Xác định thời hạn	7513202690	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	385727606
54	Triệu Văn Nhật	Dán Foam	Không xác định thời hạn	7516172446	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	060972323
55	Nguyễn Văn Long	Dán Foam	Xác định thời hạn	9321359354	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	363899820
56	Nguyễn Thị Truyền	Vào gói	Xác định thời hạn	9222453890	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	092174003355
57	Ngô Thị Mỹ Linh	Vào gói	Xác định thời hạn	7516160365	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	385688131
58	Phan Thị Anh Thư	Vào gói	Xác định thời hạn	9423127626	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	366206932
59	Cao Văn Đạt	Vào gói	Xác định thời hạn	7523040364	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	363942609
60	Lê Văn Thanh	Bọc nệm	Xác định thời hạn	9421849972	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	366034081
61	Nguyễn Phi Hùng	Bọc nệm	Xác định thời hạn	9222424112	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	092203005088
62	Đinh Công Phương	Bọc nệm	Xác định thời hạn	9621554362	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	381020390
63	Đinh Di Khan	Bọc nệm	Xác định thời hạn	9621568140	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	382010398
64	Dương Danh Quyết	Bọc nệm	Xác định thời hạn	7516162710	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	184213432
65	Nguyễn Thị Liễu	Vẽ rập	Xác định thời hạn	4799151978	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	271478371



66	Nguyễn Thị Diệu	Vẽ rập	Xác định thời hạn	9521399499	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	385466087
67	Trần Thị Nghi	Vẽ rập	Xác định thời hạn	7411059129	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	385377545
68	Tăng Văn Trường	Vẽ rập	Xác định thời hạn	9521431590	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	385867758
69	Lê Thị Kha	Vẽ rập	Xác định thời hạn	9122763581	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	370207741
70	Trương Chí Thoảng	Vẽ rập	Xác định thời hạn	9622570325	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	382002214
71	Lê Thị Kiều	Vẽ rập	Xác định thời hạn	9522150490	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	385603266
72	Nguyễn Thị Huyền Mỹ	Vẽ rập	Xác định thời hạn	0420628377	22/07/2021	30/09/2021	1.000.000	352318993
73	Nguyễn Thị Oanh	Vẽ rập	Xác định thời hạn	7409259246	22/07/2021	30/09/2021	1.000.000	225354497
74	Nguyễn Văn Lâm	Vẽ rập	Xác định thời hạn	8923089717	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	352543282
75	Vũ Thị Thúy	PBP May	Không xác định thời hạn	4707164503	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	272438616
76	Nguyễn Thúy Em	PBP May	Xác định thời hạn	9521446994	22/07/2021	30/09/2021	1.000.000	385486077
77	Thị Cẩm	PBP May	Không xác định thời hạn	9122975248	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	371586632
78	Thị Pà La	PBP May	Không xác định thời hạn	9112003096	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	371231973
79	Nguyễn Thị Cẩm Len	PBP May	Không xác định thời hạn	9112010144	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	331557732
80	Lê Thị Hoa	PBP May	Xác định thời hạn	7509069159	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	272950690
81	Bùi Văn Chợt	PBP May	Xác định thời hạn	7510134721	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	385526185
82	Lê Trọng Nghĩa	Đóng gói	Không xác định thời hạn	7515112456	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	371470399
83	Danh Minh Vương	Đóng gói	Không xác định thời hạn	9123572932	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	371562698

84	Phạm Thái Hòa	Đóng gói	Không xác định thời hạn	7512194654	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	371212052
85	Bùi Thái Vinh	Đóng gói	Không xác định thời hạn	7512194692	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	331126708
86	Phạm Trường Ân	Đóng gói	Xác định thời hạn	7915273203	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	362091770
87	Lê Văn Chuộc	Đóng gói	Xác định thời hạn	9422326287	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	365061831
88	Võ Thị Lệ	Đóng gói	Xác định thời hạn	9124028936	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	371771015
89	Cao Thị Soa	Đóng gói	Xác định thời hạn	4420161573	13/08/2021	30/09/2021	1.000.000	194164474
90	Trần Văn Tân	BP Kho	Xác định thời hạn	9221887609	23/07/2021	30/09/2021	1.000.000	092094003577
91	Trần Văn Cường	BP Kho	Xác định thời hạn	9221963667	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	092202002048
92	Trương Văn Toàn	BP Kho	Xác định thời hạn	9622290026	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	381518225
93	Phạm Bá Phước	BP Kho	Xác định thời hạn	7525814389	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	351914498
94	Nguyễn Văn Hợp	BP Kho	Xác định thời hạn	9222473084	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	361653801
95	Trần Thị Thủy Vân	Văn phòng	Xác định thời hạn	7509050785	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	272933188
96	Nguyễn Thị Hồng Huệ	Văn phòng	Không xác định thời hạn	7508131914	31/07/2021	31/08/2021	1.000.000	131141792
97	Nguyễn Thị Mỹ	Văn phòng	Xác định thời hạn	7513070543	30/07/2021	30/09/2021	1.000.000	183694631
98	Nguyễn Thị Lam	Văn phòng	Không xác định thời hạn	4018413672	12/07/2021	30/09/2021	1.000.000	186868260
99	Đặng Thị Hà	Văn phòng	Không xác định thời hạn	7509060801	27/07/2021	30/09/2021	1.000.000	113815983
100	Nguyễn Văn Đoàn	Văn phòng	Xác định thời hạn	7413232232	01/09/2021	30/09/2021	1.000.000	272371157
	Cộng: 100 người						100.000.000	

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC VÀ ĐANG MANG THAI

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục I	Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân
1	Trần Thị Lanh	22	1.000.000	334283327
2	Nguyễn Thị Huyền My	72	1.000.000	352318993
3	Nguyễn Thị Oanh	73	1.000.000	225354497
Cộng: 03 người			3.000.000	

III. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC VÀ ĐANG NUÔI CON NHỎ DƯỚI 6 TUỔI

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục I	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng (ở cột 2)	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	
1	Nguyễn Văn Cường	5	Nguyễn Tiến Dũng	23/09/2018	Nguyễn Thị Tuyền	183314360	1.000.000
			Nguyễn Ngọc Diễm	12/09/2016			1.000.000
2	Danh Hoàng Sơn	20	Danh Hoàng Nguyễn	14/05/2021	Lê Xuân Thủy	363829916	1.000.000
3	Cao Hoài Cường	50	Cao Hoài Ngọc Diệp	13/03/2017	Nguyễn Thị Huyền My	352318993	1.000.000
4	Ngô Thị Mỹ Linh	57	Trần Thị Bảo Trâm	30/10/2019	Trần Quốc Ninh	385727606	1.000.000
			Trần Thị Bích Trân	26/10/2018			1.000.000
5	Phan Thị Anh Thư	58	Phan Thiên Kim	21/01/2017	-	-	1.000.000
6	Lê Văn Thanh	60	Lê Thạch Tường Vy	05/06/2018	Thạch Thị Mỹ Linh	366133946	1.000.000

7	Nguyễn Thị Diệu	66	Đặng Kim Ngọc	05/02/2016	Đặng Văn Nhân	385255474	1.000.000
8	Trần Thị Nghi	67	Tô Gia Khiêm	14/07/2017	Tô Út Nhỏ	381677947	1.000.000
9	Nguyễn Thị Cẩm Len	79	Phan Phi Phong	11/09/2018	Phan Long Lôi	363987522	1.000.000
10	Lê Thị Hoa	80	Bùi Gia Quý	12/08/2020	Bùi Văn Chợt	385526185	1.000.000
11	Lê Trọng Nghĩa	82	Lê Thiên Ân	05/01/2017	Danh Thị Canh Nha	371562459	1.000.000
			Lê Anh Thư	14/12/2019			1.000.000
12	Danh Minh Vương	83	Danh Thị Trà My	22/04/2017	Thị Cẩm	371586632	1.000.000
13	Nguyễn Thị Mỹ	97	Nguyễn Thái Hà My	03/09/2018	Nguyễn Thái Sơn	272688810	1.000.000
14	Nguyễn Thị Lam	98	Nguyễn Thùy Dương	30/04/2016	Nguyễn Phan Khám	186283490	1.000.000
15	Đặng Thị Hà	99	Bùi Đức Nam	20/12/2016	Bùi Đức Dinh	113127129	1.000.000
Cộng: 18 trẻ em							18.000.000
Tổng cộng: (I) + (II) + (III)							121.000.000

Tổng số tiền hỗ trợ: 121.000.000 đồng
(Bằng chữ: Một trăm hai mươi một triệu đồng)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC
DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH NAKAGAWA DENKA ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số 3943/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
I. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC								
1	Đào Thị Nhung	Bộ phận Injection	Không xác định thời hạn	4707174865	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	271345393
2	Nguyễn Thanh Luân	Bộ phận Injection	Không xác định thời hạn	4707126927	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	271420675
3	Chu Hoàng Yến Phương	Bộ phận P/S (Aqua)	Không xác định thời hạn	4706051757	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	271972478
4	Lê Thị Thanh Phương	Bộ phận Inlet valve	Không xác định thời hạn	4707044436	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	271406315
5	Bùi Thị Thúy Liễu	Bộ phận Inlet valve	Không xác định thời hạn	7510060334	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	272951165
6	Lê Thị Thơ	Bộ phận P/S (LG)	Không xác định thời hạn	4703004062	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	272933381
7	Thân Duy Lộc	Bộ phận P/S (Aqua)	Không xác định thời hạn	4707031406	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	271585622
8	Phạm Thanh Tâm	Bộ phận P/S (LG)	Không xác định thời hạn	7508185817	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	271920048
9	Lê Ngọc Thành	Bộ phận P/S (LG)	Không xác định thời hạn	4705073429	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	271553024
10	Nguyễn Thị Lợi	Bộ phận P/S (LG)	Không xác định thời hạn	4707044241	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	271375783

11	Cao Thị Hoài Phương	Bộ phận P/S (Aqua)	Không xác định thời hạn	7512077814	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	272607660
12	Vương Thị Quyên	Bộ phận Winding	Không xác định thời hạn	7513016470	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	212235669
13	Lê Thị Dương Nhi	Bộ phận QC	Không xác định thời hạn	7513079268	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	272185010
14	Lê Thị Chung	Bộ phận Inlet valve	Không xác định thời hạn	4705071425	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	172345697
15	Ngô Thị Diệu Nga	Bộ phận Inlet valve	Không xác định thời hạn	7511173692	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	271992482
16	Bùi Quang Vịnh	Bộ phận cây xanh	Không xác định thời hạn	7511204042	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	034052001354
17	Nguyễn Thị Trang	Bộ phận P/S (LG)	Không xác định thời hạn	7914154192	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	194476346
18	Hồ Kim Yến	Bộ phận P/S (LG)	Không xác định thời hạn	7510008292	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	371286409
19	Lăng Thị Thu Mai	Bộ phận tạp vụ	Xác định thời hạn	7515150083	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	270718109
20	Phạm Thị Thu Hương	Bộ phận P/S (LG)	Xác định thời hạn	7513202850	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	272467072
21	Hoàng Thị Huệ	Bộ phận Inlet valve	Xác định thời hạn	7511046129	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	194531899
22	Nguyễn Thị Hồng Mai	Bộ phận Inlet valve	Xác định thời hạn	4420248711	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	194614354
23	Đặng Thị Mỹ Diễm	Bộ phận Nozzle	Xác định thời hạn	7516031865	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	221440548
24	Trần Thị Xuân Hồng	Bộ phận nấu ăn	Xác định thời hạn	4707161658	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	271648589
25	Nguyễn Kim Cương	Bộ phận P/S (LG)	Xác định thời hạn	7526525005	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	381891114
26	Ngô Thị Minh	Bộ phận P/S (LG)	Xác định thời hạn	7510011082	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	271856708
	Cộng: 26 người							26.000.000



II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC VÀ ĐANG MANG THAI

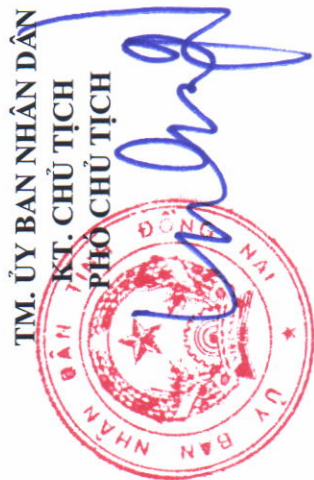
TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục I	Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân
1	Cao Thị Hoài Phương	11	1.000.000	272607660
2	Ngô Thị Diệu Nga	15	1.000.000	271992482
3	Hồ Kim Yến	18	1.000.000	371286409
4	Đặng Thị Mỹ Diễm	23	1.000.000	221440548
5	Nguyễn Kim Cương	25	1.000.000	381891114
Cộng: 05 người			5.000.000	

III. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC VÀ ĐANG NUÔI CON NHỎ DƯỚI 6 TUỔI

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục I	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng (ở cột 2)	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	
1	Lê Thị Thanh Phương	4	Trần Phúc Khang	28/12/2017	Trần Hoàng Vinh	271565952	1.000.000
		4	Trần Phúc An	30/06/2019	Trần Hoàng Vinh	271565952	1.000.000
2	Lê Ngọc Thành	9	Đỗ Thiện Khiêm	07/02/2020	Đỗ Thương Nhân	271589690	1.000.000
3	Lê Thị Dương Nhi	13	Võ Lê Gia Khang	06/12/2020	Võ Trần Chánh	271992515	1.000.000
4	Ngô Thị Diệu Nga	15	Nguyễn Ngọc Gia Huy	04/02/2020	Nguyễn Ngọc Nhân	272118002	1.000.000
5	Hoàng Thị Huệ	21	Lê Ngọc Tuấn Kiệt	13/02/2018	Lê Ngọc Chiến	183886414	1.000.000

6	Trần Thị Xuân Hồng	24	Huỳnh Phương Anh	28/04/2018	Huỳnh Văn Phương	77080000182	1.000.000
			Cộng: 07 trẻ em				7.000.000
			Tổng cộng: (I) + (II) + (III)				38.000.000

Tổng số tiền hỗ trợ: 38.000.000 đồng
(Bằng chữ: Ba mươi tám triệu đồng)



Nguyễn Sơn Hùng



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC
DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG LÂM
(Kèm theo Quyết định số 3943/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số số bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
I. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC								
1	Hồ Thị Minh Quyền	Kế toán	Không xác định thời hạn	7525891112	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	272860361
Cộng: 01 người							1.000.000	

Tổng số tiền hỗ trợ: 1.000.000 đồng
(Bằng chữ: Một triệu đồng)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC
DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH MTV KỸ THUẬT VÀ THƯƠNG MẠI PHỤNG LUYẾT

(Kèm theo Quyết định số 3943 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số số bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
I. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC								
1	Vũ Hoàng Nam	Công nhân kỹ thuật	Xác định thời hạn 01 năm	3421496459	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	034071001889
2	Hoàng Thái Hòa	Phó Giám Đốc	Xác định thời hạn 01 năm	3796021404	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	272445582
3	Phạm Hồng Lâm	Công nhân kỹ thuật	Xác định thời hạn 01 năm	4024077433	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	186726831
4	Phạm Công Minh	Công nhân kỹ thuật	Xác định thời hạn 01 năm	4024079297	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	182298740
5	Trần Thanh Minh	Nhân viên Bảo trì	Xác định thời hạn 01 năm	4620858784	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	191724942
6	Nguyễn Đình Thìn	Nhân viên kỹ thuật	Xác định thời hạn 01 năm	4706047598	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	272487054
7	Nguyễn Văn Long	Nhân viên kỹ thuật	Xác định thời hạn 01 năm	4707005142	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	272991697
8	Trần Xuân An	Thợ hàn	Xác định thời hạn 01 năm	4797097972	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	272288975

9	Đặng Đăng Quang	Tổ trưởng	Xác định thời hạn 01 năm	7910397495	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	272418742
10	Nguyễn Văn Thọ	Nhân viên kỹ thuật	Xác định thời hạn 01 năm	7910474242	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	272650281
11	Huỳnh Thị Thùy Ngân	Nhân viên Kế toán	Xác định thời hạn 01 năm	7911369247	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	271913108
12	Nguyễn Cao Nguyên	Nhân viên Bảo trì	Xác định thời hạn 01 năm	7915161500	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	241263498
13	Nguyễn Trọng Chương	Nhân viên kỹ thuật	Xác định thời hạn 01 năm	4018426864	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	186726884
Cộng: 13 người								

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC VÀ ĐANG NUÔI CON NHỎ DƯỚI 6 TUỔI

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục I	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng (ở cột 2)	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	
1	Huỳnh Thị Thùy Ngân	11	Nguyễn Hoàng Huy	11/01/2018	Nguyễn Văn Hoàng Trung	42089013978	1.000.000
2	Nguyễn Cao Nguyên	12	Nguyễn Hoàng Thiên	10/10/2020			1.000.000
3	Nguyễn Đình Thín	6	Nguyễn Kiến Văn	28/06/2019	Lý Thị Thảo	272033682	1.000.000
4	Nguyễn Trọng Chương	13	Nguyễn Thiên Kim	27/08/2016	Bùi Thị Hồng	272615791	1.000.000
			Nguyễn Ngọc Tuệ Mẫn	12/05/2021	Bùi Thị Hoa	42191000547	1.000.000



5	Nguyễn Văn Thọ	10	Nguyễn Phúc Hưng	26/03/2020	Hoàng Thị Hoa	272981148	1.000.000
	Cộng: 06 trẻ em						6.000.000
Tổng cộng: (I) + (II)							19.000.000

Tổng số tiền hỗ trợ: 19.000.000 đồng
(Bằng chữ: Mười chín triệu đồng)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng